

ĐÁNH GIÁ LẠI MỘT SỐ TÀI LIỆU VỀ THỜI KỲ TÂY SƠN

NGUYỄN DUY CHÍNH

Một thời kỳ khuyết sử

Nói đến thời kỳ Tây Sơn, hầu như người Việt Nam nào cũng nghĩ ngay đến giai đoạn hào quang dân tộc chói sáng qua chiến thắng lẫy lừng đánh bại đoàn quân Thanh thiện chiến và đông đảo trong chớp nhoáng. Việc miêu tả thiên Anh Hùng Ca như những huyền thoại được lập đi lập lại không bao giờ nhàm chán. Theo *Thư Mục về Tây Sơn Nguyễn Huệ* do Nguyễn Trí Sơn¹ sưu tập thì cho đến năm 1988 đã có 1,623 công trình viết về Tây Sơn.² Con số đó đến nay ắt hẳn đã gấp bội và người ta viết về Nguyễn Huệ nhiều hơn bất cứ danh nhân nào trong lịch sử các triều đại (dynastic history) của nước ta.

Thế nhưng đây cũng lại chính là thời kỳ mà sử sách nước ta đầy rẫy những chi tiết trái ngược với sử nước ngoài và ngay trong quốc sử cũng không hoàn toàn đồng nhất. Nhiều câu hỏi không tìm thấy câu trả lời và hầu như những nhà nghiên cứu chỉ tìm những chi tiết phù hợp với quan điểm của mình mà bỏ qua những gì không ăn khớp.

Thời đại Tây Sơn là một giai đoạn khá đặc biệt. Có lúc trên giải đất Việt Nam hiện hữu đến 4 chính quyền từ Nam ra Bắc³, mỗi triều đình cai trị một vùng, đánh lẫn nhau mong được làm bá chủ. Người chiến thắng sau cùng là chúa Nguyễn Ánh ở phương Nam, lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, mở ra triều Nguyễn.

Trong tranh đoạt quyền hành kẻ thắng là vua, kẻ thua là giặc. Cho nên, nếu như sử nhà Nguyễn có miêu tả thời đại Tây Sơn với những nét thâm màu, điều đó cũng dễ hiểu. Có điều giai đoạn này lại hoàn toàn khác với những lần đuổi hươu tranh đỉnh khác. Vua Gia Long mở nước không phải từ một người bình dân đi lên, ông thuộc giòng chính thống của chúa Nguyễn đã từng làm chủ Nam Hà hơn 200 năm, tuy nhiều lần bị truy bức phải chạy ra nước ngoài sống lưu vong nhưng theo danh nghĩa, triều đình chúa Nguyễn không bao giờ bị đứt đoạn. Trên giấy tờ giao thiệp, chúa Nguyễn

vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng của nhà Lê, mặc dù trên thực tế nhà Lê không còn nữa. Có thể nói, hầu như chúa Nguyễn ít nhiều vẫn phải dựa vào danh nghĩa “*phản Tây Sơn phục Lê*”, không khác gì Trịnh Thành Công với lá cờ “*phản Thanh phục Minh*” ở Đài Loan, với mục đích cụ thể là quay trở lại được thời kỳ vinh quang mà họ Nguyễn làm chúa ở mạn Nam, đối đầu với họ Trịnh ở phương Bắc. Tâm lý trần trử đó khiến ông đã có thời kỳ đóng vai thuộc quốc của Xiêm La, triều cống “*cây vàng bạc*” như nhiều tiểu quốc khác.⁴ Hành vi hạ mình đó có thể coi như ẩn nhẫn chờ thời, việc mượn quân Xiêm hay cầu viện nước Pháp có người xem như quyền biến biết khai thác thời cơ mặc dù không hiếm những sử gia nghiêm khắc đã kết án ông “*công rắn cắn gà nhà*”, “*bán nước*”.

Đến khi thừa thắng xông lên, chúa Nguyễn khôi phục không chỉ phần đất của ông cha là Đàng Trong mà còn chiếm luôn cả Đàng Ngoài, làm chủ toàn bộ từ Nam Quan đến Cà Mau, thống nhất đất nước, chấm dứt hơn 200 năm phân liệt. Hoàn thành đại công này bắt nhà Nguyễn phải cố gắng nêu cao sự chính thống nên không coi mình như một triều đại mới mà nhấn mạnh vào sự tiếp nối kéo dài liên tục từ Nguyễn Kim đến Nguyễn Ánh.⁵ Viết sử về họ Trịnh ở miền Bắc thì vị thế hai bên đã rõ ràng, mỗi đàng làm chúa một phương. Thế nhưng nhà Tây Sơn thì lại khác, họ không chỉ là kẻ đối đầu tranh đoạt ngôi vị ở trong Nam mà còn gây thêm nhiều mối thù “*bất cộng đái thiên*”, chủ động những săn đuổi lăm lăm tưởng như giòng họ Nguyễn sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt. Chính vì chỗ khúc mắc đó, nhà Nguyễn không công nhận triều đình Tây Sơn - dù Thái Đức, Quang Trung hay Cảnh Thịnh, Bảo Hưng - là chính thống. Họ chỉ được coi như một chính quyền tạm thời, một “*ngụy triều*” tiếm ngôi, một loại “*bạn thân, tặc tử*” dấy loạn mà thôi. Khi bắt được vua tôi nhà Tây Sơn, vua Gia Long – đã áp dụng những hình phạt dành cho kẻ nghịch thần chứ không coi họ như một đối thủ bị thất thế. Đó chính là ý nghĩa của lễ “*hiến phù*”⁶ và bản án “*voi giày ngựa xé, ngũ tượng phân thi*” đối với vua tôi Cảnh Thịnh mà nhiều người - kể cả các giáo sĩ được chứng kiến - đã cho rằng quá hà khắc.⁷

Dù đối phương đã có thời làm chủ hầu như toàn bộ đất nước, xây dựng một mô hình hành chánh, quân sự, ngoại giao..., tạo được một vị thế xứng đáng không phải chỉ với những quốc gia trong vùng mà cả với Trung Hoa, nhà Nguyễn vẫn không công nhận Tây Sơn như một triều đại đã qua, có nhắc đến chỉ vì họ là “*phía bên kia*” của những trận đánh để rút kinh nghiệm hay răn đe và hoàn toàn không đề cập tới khi hai bên hưu chiến, coi như triều đình Tây Sơn không hề hiện hữu. Nói tóm lại, sử gia triều Nguyễn chỉ coi Tây Sơn chỉ là một đám giặc lớn mà sự ghi chép về họ là một điều bất đắc dĩ, có chăng chỉ để làm nổi bật tài trí và nổi gian nan của chúa Nguyễn trong quá trình khôi phục giang sơn. Nhiệm vụ chính yếu của các sử thần không phải để ghi lại hiện trạng những gì đã xảy ra trên nước Việt Nam mà là xác định thiên mệnh thuộc về triều Nguyễn, “*xác lập một nền văn hoá chính thống của triều đại mình*” như tiến sĩ Phillipe Langlet đã nhấn mạnh.⁸

Khi vua Gia Long lên ngôi, ông ra lệnh huỷ diệt hết tất cả những dấu tích mà đối phương xây dựng khi ông còn vong gia thất thổ, cả vật chất lẫn tinh thần. Những năm đầu của triều đại không thể không mang không khí khủng bố làm tiêu ma những người nào còn hoài vọng một thời kỳ đã qua. Ngay các công thần đã cùng ông nằm gai nếm mật, vào sinh ra tử nhưng chỉ một duyên cớ nhỏ nhặt cũng có thể bị nghi là âm mưu chống lại triều đình, đưa đến cái hoạ diệt vong, hưởng hồ với kẻ cự thù nên bất cứ liên hệ lớn nhỏ nào với “*ngụy quyền*” đều có thể trở thành trọng tội. Việc truy quét đó không phải chỉ một lần mà còn được lập lại ở những vì vua kế tiếp cho đến khi mầm mống đối nghịch hoàn toàn không còn một dấu tích. Một chính quyền với đầy đủ quyền lực nhất định xoá sổ quá khứ thì không gì mà không làm được, lắm khi kẻ thừa hành còn làm quá cả những đòi hỏi của cấp trên.

Mãi đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 – khi người Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa, Bắc Kỳ thành một xứ bảo hộ và ngai vàng tại Huế chỉ còn là một biểu tượng, các nhà nho mới bắt đầu tháo gỡ cái quan niệm chính thống, ngụy triều kéo dài từ 100 năm qua. Người đầu tiên có lẽ là danh nho miền Bắc - tiến sĩ Đặng Xuân Bảng⁹ - mạnh dạn lên tiếng phê phán tính chất chính thống đó và yêu cầu xét lại vị thế của 15 năm nhà Tây Sơn.

Việc thẩm định lại khiến người ta phải tái lượng giá không chỉ một số hoạt động quân sự mà cả tổ chức xã hội ngoài tầm kiểm soát của chúa Nguyễn trước khi ông chiến thắng - trong đó bao gồm toàn bộ sinh hoạt kinh tế, ngoại giao, quân sự, chính trị của khu vực vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Việc đưa ba anh em Nguyễn Nhạc trở về lịch sử không phải một sớm một chiều vì những gì viết về họ đã qua nhiều tình huống khác nhau từ cực đoan nhất là phủ nhận hoàn toàn (30 năm đầu tiên), đến việc ghi chép như thành phần bạn nghịch (60 năm kế tiếp) và rồi dần dần đặt họ trở lại trong lịch sử một cách khách quan hơn (đầu thế kỷ 20).

Đến gần đây, khi việc đề cao triều đình Tây Sơn được coi như quốc sách, nhất là có ẩn náu những động lực chính trị thì tài liệu và sách vở viết về nhà Tây Sơn bỗng đứng nổi bật. Thế nhưng những gì mà chúng ta biết về giai đoạn nhiều nhượng này phần lớn dựa vào ngoại sử, kèm theo những tưởng tượng và thêu dệt nhằm mục đích riêng tư hơn là đưa ra sự thật. Bên cạnh tài liệu trích từ sử sách là những cố gắng giải thích vị trí của anh em Nguyễn Nhạc bằng phong thuỷ, bằng cơ duyên... lồng trong khuôn mẫu thường dùng để huyền thoại hoá các danh nhân. Không hiếm sách vở miêu tả anh em Tây Sơn và các tướng lãnh của họ như những hiệp sĩ võ công cao cường trong các truyện kiếm hiệp với tài năng phi thường tẩu bích không thể có được trên thực tế. Nhiều nhân vật vốn dĩ mờ nhạt nay được đem trở lại hậu trường để trở thành những bản sao của Khổng Minh, Bàng Thống... hay Quan Vũ, Trương Phi... mà dần dà người ta coi như một sự thật.

Trên phương diện nghiên cứu, những chi tiết đó nếu loại ra cũng không có gì thay đổi, nếu không nói rằng nhiều khi còn làm cho sự việc sáng tỏ hơn. Ngay cả những nhà nho cũng chỉ là vai phụ, dù cho đó là Giáo Hiến hay Ngô Thì Nhậm, Nguyễn

Thiếp... và sự ràng buộc một cách máy móc giữa văn thân, võ tướng theo kiểu mẫu truyện Tàu xem ra chỉ là thêu dệt, đánh giá quá cao kẻ ngồi trong trường (nếu quả thực có) mà phủ nhận công lao của người trực tiếp đối diện với dầu sôi lửa bỏng. Anh em Nguyễn Nhạc đứng lên hoàn toàn không do những động lực tâm lý thúc đẩy bởi giới đọc sách và lại càng không cần dựa vào họ mỗi khi cần phải có một quyết định sinh tử. Việc đặt hầu như toàn bộ các tài liệu lịch sử thứ cấp viết về triều Tây Sơn dưới lăng kính phê phán chắc chắn sẽ bị nhiều người phản bác nhưng bù lại chúng ta lại có thể lần tìm ra được một số “*mắt xích đứt*” mà từ trước đến nay thường bị các nhà nghiên cứu bỏ qua.

*

* *

Khó khăn to lớn nhất khi nghiên cứu về thời đại Tây Sơn là chúng ta có rất ít tài liệu nguyên thủy (primary sources) từ những nguồn khả tín được viết ngay chính thời kỳ đó mà phần lớn dựa theo các văn bản viết sau sự việc nhiều năm, có khi nhiều chục năm, do những người không liên quan gì đến biến cố ghi theo truyền khẩu chứ không phải chính họ tham dự hay mắt thấy tai nghe. Những tác phẩm đó được hình thành thường để bày tỏ một xu hướng chính trị cực đoan nên các chi tiết lại càng dễ bị bóp méo cho phù hợp với chủ tâm của người viết.

A. Sử triều Nguyễn

Cuối thế kỷ 19, khoảng 100 năm sau khi nhà Tây Sơn bị diệt, Thiệu Đình Đặng Xuân Bảng, khi biên soạn bộ sử khá công phu nhan đề *Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu* đã viết trong bài tựa:

Đến như sự tích thời Tây Sơn, thì hồi đầu Gia Long đã có chiếu tiêu huỷ hết. Vào năm Tự Đức, quan ngự sử Bùi Đình Trí (người An Lý, Hải Dương) dâng sớ xin sai quan biên soạn, sau vì có việc lại thôi. Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, họ Mạc cướp ngôi nhà Lê. Khi nhà Hán, nhà Lê trung hưng thì sự tích của Vương Mãng và họ Mạc cũng không vứt bỏ, vì sử là để khuyến khích và răn đe. Sao lại có chuyện sự tích 15 năm để cho mai một trong một lúc, không ai biết nữa? (Hai chúa Tây Sơn gồm Quang Trung 5 năm, Cảnh Thịnh 8 năm, Bảo Hưng 2 năm, gồm 15 năm). Thế thì lẽ khuyến khích và răn đe ở đâu? Hơn nữa, khi ấy nhà Lê đã mất, triều ta chưa lên, sự kể nối các triều Đinh, Lý, Trần, Lê trong 15 năm ấy, không thuộc Tây Sơn thì còn ai nữa?¹⁰

Như vậy, việc ghi chép và biên soạn về triều Tây Sơn chỉ thực hiện từ thời Tự Đức trở về sau. Tính ra, khi vua Tự Đức lên ngôi, nhà Tây Sơn đã bị diệt vong gần 1/2 thế kỷ (1802-1847), tài liệu phần lớn đã bị huỷ hoại, không phải chỉ một lần mà nhiều lần do lệnh trực tiếp từ triều đình. Năm Minh Mạng thứ ba (1822), triều đình huỷ nốt chiếc ấn cuối cùng đời Tây Sơn bằng vàng (nặng 1.048 lạng, 2 đồng 2 phân) còn sót lại trong kho. Theo *Đại Nam Thực Lục*, nhà vua nói với Trịnh Hoài Đức:

- Hoàng khảo (tức vua Gia Long) ta xưa dẹp giặc Tây Sơn, thu được hết ấn ngự, nay ở kho hãy còn một quả. Trẫm nghĩ Hoàng khảo ta, công đức rực rỡ trong sử sách, không cần cái ấy, cũng đủ tỏ rõ võ công. Vả lại như đôn của nhà Thương, đỉnh của nhà Chu, truyền làm của báu cho đời thì được, chứ đây là vật tiềm nguy thì để lại làm gì. Vay huỷ đi.¹¹

Điều này cũng xác định việc huỷ hoại ấn tín, tài liệu được thi hành rất qui mô, không để sót bất cứ dấu vết nào của cựu triều, nhất là những gì có liên quan đến quyền lực. Trong chế độ phong kiến, nhất là một chính quyền chuyên chế, hình pháp giành cho những người ẩn lậu văn thư của nhà Tây Sơn rất nặng nề, không phải chỉ cho bản thân mà cho cả gia đình, thân tộc, bằng hữu. Những vụ án đời Gia Long, Minh Mạng cho thấy nhà vua không dung tha bất cứ ai, cho dù là danh thần, lương tướng, khai quốc nguyên huân đến cả anh em họ hàng nếu bị kết tội âm mưu phản nghịch cũng đều bị trọng hình.¹²

Sáu năm sau, năm 1828 vua Minh Mạng mới bắt đầu xuống chiếu thu thập tài liệu về đời Tây Sơn. Cũng theo *Đại Nam Thực Lục* nhà vua:

... sai bộ Lễ tư hỏi những việc cũ của Ngụy Tây (tức nhà Tây Sơn). Vua (Minh Mạng) bảo Phan Huy Thực rằng: “Khi mới đại định, thu nhất được văn thư sách vở của Tây Sơn rất nhiều, ý trẫm cho là vô dụng nên gần đây sai đốt hết cả.”¹³ Nay lại nghĩ chúng tuy bội nghịch, những việc chúng làm thật không đáng kể, song cũng là dấu tích của một đời, kho sách chứa cất không nên thiếu sót. Nên tư giấy cho Bắc Thành, hỏi khắp các cố gia và sĩ thứ ai có ghi chép được việc cũ của Tây Sơn, từ năm Bính Ngọ trở đi, từ năm Nhâm Tuất trở lại, phạm một chính một lệnh và chiếu sắc tấu sớ, cùng mọi điều mục nhỏ mọn chúng đã làm, không nệ kỳ huỷ không kể lời văn quê mùa, hết thấy đem nộp quan sẽ lượng khen thưởng”.¹⁴

Thế nhưng trên thực tế việc đó không phải dễ. Tài liệu sách vở qua một thời binh lửa mất mát đã nhiều, đến khi thanh bình thì chính sách thời xưa nghiêm nhặt nên dù có lệnh của triều đình thì dễ mấy ai dám dâng nộp, hoạ chăng chỉ còn một số văn thư xương vụn không có giá trị sử liệu. Nhiều người sợ tội phải lang bạt kỳ hồ, thay họ đổi tên, mai danh ẩn tích nên dẫu có chiếu chỉ, tài liệu về nhà Tây Sơn cũng không còn được bao nhiêu¹⁵. Vả lại, tuy chép trong sử cho ra vẻ khoan dung nhưng thực tế triều đình không tích cực truy tầm, sưu tập mà quan lại địa phương cũng chẳng ai cất công làm việc vô dụng này, lỡ có kẻ ghen ghét vu cho tội ẩn lậu nguy thư trong quần hạt thì khó mà yên thân, người dân cũng không ai đại gò làm công việc tự tố cáo mình, lợi chưa thấy đâu mà nguy hiểm thì cầm chắc.¹⁶

Chiếu theo sử sách, Bính Ngọ là 1786, năm Nguyễn Huệ lấy Phú Xuân rồi ra Bắc dứt họ Trịnh còn Nhâm Tuất là 1802, năm vua Gia Long thống nhất đất nước, tính ra tổng cộng đúng 15 năm. Chúng ta có thể suy ra rằng những tài liệu, giấy tờ bị huỷ hoại nằm giữa hai mốc thời gian này nên những chi tiết về chuyên xảy ra tại Đàng Ngoài trong khoảng 1786-1802 không thống nhất, thường là hai ba nguồn mâu thuẫn với

nhau. Ngay cả ở Phú Xuân, nơi vua Quang Trung đóng đô, các đền đài dinh thự cũng đều phá đi xây lại nên việc truy tầm lại một số địa điểm dù là quan trọng cũng chưa có được những câu trả lời thoả đáng. Mộ vua Quang Trung chôn ở đâu, cung điện bố trí thế nào nay vẫn chỉ trong vòng giả thuyết đủ biết công tác khếp lại quá khứ của các vua đầu triều Nguyễn rất thành công. Cho tới đầu thế kỷ 20, những sách vở đề cập đến giai đoạn này hầu như không có tài liệu nào khác hơn là một số chi tiết trích từ sử nhà Nguyễn hoặc từ các giáo sĩ phò tá vua Gia Long ghi chép lại. Việc trình bày về triều Tây Sơn thành ra rất chủ quan và ngay cả những ghi chép về cự trào của các thương nhân Âu Châu khi ghé Đàng Trong cũng chỉ dựa trên những tin đồn phần lớn là “*thất thiệt*”.

Việc chép về triều đại này của sử quan đời Nguyễn cũng thật sơ sài, chiếu lệ. Ngoài những chi tiết liên quan trực tiếp với cuộc chiến giữa chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn, phần chép riêng về họ tất cả chỉ gói gọn trong quyển 30 của *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, cho cả 3 nhân vật chính Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Quang Toản¹⁷. Tuy chỉ có thế nhưng cũng nhiều điểm sai lầm, chép lại những lời truyền khẩu, rất có thể tham khảo cả tiểu thuyết nên giá trị lịch sử rất giới hạn. Đó là chưa kể vì có ác cảm với nhà Tây Sơn, một số biến cố quan trọng bị bóp méo với một chủ đích rõ rệt. Việc hạ thấp Nguyễn Huệ cũng không phải chỉ thu hẹp trong việc xuyên tạc bịa đặt hành vi hay tư cách của ông, ngay cả cách dùng chữ trong sử nhà Nguyễn cũng có chỗ nhỏ nhặt.¹⁸

Xét nét hơn, việc chép sử của triều Nguyễn tuy qui mô nhưng hầu hết các tác phẩm chỉ được ấn hành vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20:

... Minh Mạng vừa lên ngôi vua đã cho thành lập ngay Quốc sử quán (1820), đặt kế hoạch biên soạn các bộ sách “Đại Nam Thực lục”, “Đại Nam Liệt truyện”. Dưới triều Tự Đức, Quốc sử quán do Phan Thanh Giản chủ trì đã soạn thảo “Đại Nam Hội điển” (1851), “Khâm Định Việt sử thông giám cương mục” (1856) và “Đại Nam nhất thống chí” (1856).

Tinh thần của các Chỉ dụ của nhà Nguyễn là phải tiến hành khẩn trương công việc biên soạn các bộ lịch sử này, nhưng trong thực tế việc biên soạn diễn ra rất chậm chạp. Ngay bộ lịch sử biên niên của triều đại Nguyễn cần thiết phải sớm hoàn thành nhằm thuyết phục thần dân về vai trò “chính thống” của triều Nguyễn, thì cũng mãi đến năm 1844 mới hoàn thành phần “Tiền biên” và đến năm 1905 mới được xuất bản. Một bản “Toát yếu” của bộ lịch sử này cần được hoàn thành và công bố để kịp thời cho các trường học sử dụng như mong muốn của Minh Mạng từ năm 1839 mà cũng phải đến năm 1908 mới viết xong để phổ biến. Bộ quốc sử (Cương mục) dự kiến biên soạn từ năm 1811 để hoàn thành vào năm 1837, cũng chỉ thực sự bắt đầu tiến hành từ năm 1856, viết xong vào năm 1884 và ấn hành năm 1890.¹⁹

Xem như thế, tuy các sử thần có ghi là công việc làm sử khởi đầu từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) nhưng việc thu thập tài liệu về đời Tây Sơn ít nhất cũng phải sau năm 1828 (khi có chiếu của vua Minh Mệnh). *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chủ yếu chép về tiểu sử các danh thần, hoàng tử, hậu phi... đời Nguyễn, tổng cộng 87 quyển, 2000 trang chia làm chính biên và tiền biên, chỉ được bắt đầu soạn từ năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), phần tiền biên sơ tập là bộ sách có chép về anh em Nguyễn Nhạc hoàn tất năm Tự Đức thứ 5 (1852), sau đó mới tiếp tục làm chính biên, hoàn tất và trình xin khắc bản năm Thành Thái thứ nhất (1889)²⁰.

Nhìn vào tỉ lệ đồ sộ viết về triều Nguyễn, cũng như quan điểm chính thống, nguy triều đương thời, những đoạn sử về anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ít giá trị, không phải là những công trình đáng lưu tâm. Nếu không vì tình hình thay đổi để một số sử gia cận đại tìm kiếm và cố gắng khôi phục lại giai đoạn này, chúng ta tin rằng vài chục trang sách chép về thời kỳ nhà Tây Sơn cũng bị chôn vùi, lẫn khuất trong hàng chục ngàn trang sử của nhà Nguyễn. Với mục tiêu là để “*khuyến khích và răn đe*”, việc trình bày vấn đề đã mang một sử quan chính trị rõ rệt, không phải để đưa ra những sự thật về thời kỳ nhà Tây Sơn cầm quyền nên chúng ta không thể không hết sức cẩn trọng đối với mọi chi tiết trong sử triều Nguyễn khi viết về anh em Nguyễn Nhạc.

Sở dĩ chúng tôi phải trích dẫn hơi dài như thế để những ai quen thuộc với những bộ sử lớn của Việt Nam ghi nhận rằng việc biên chép về nhà Tây Sơn gần như là một công tác rất thứ yếu vì các sử quan bị chìm ngập trong những công tác khác qui mô hơn. Có thể nói, việc chép về ba anh em Tây Sơn chỉ qua quýt cho xong chuyện, không được biên soạn thành một triều đại riêng dù chỉ với mục tiêu khinh miệt như một thời kỳ mà người ta coi là tiếm nghịch như nhà Hồ, nhà Mạc nên hầu như hoàn toàn không đề cập đến cơ cấu hành chánh, tổ chức quân đội hay phát triển kinh tế. Những gì chúng ta có được ngày nay về triều đại Tây Sơn, tiêu biểu là triều Quang Trung, chỉ là tổng hợp những tài liệu rải rác mà phần lớn không phải chứng liệu xác đáng. Ngay cả hoàng đế xuyên suốt cả thời kỳ này là vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, chúng ta cũng không biết ông duy trì bộ máy cai trị như thế nào và viết về ông ít hơn nhiều so với Nguyễn Huệ.

Mãi đến đầu thế kỷ thứ 20, Lê Thần Trần Trọng Kim là người đầu tiên nêu lên một quan điểm tương đối minh bạch:

Những người làm quốc sử nước Tàu và nước ta thường chia những nhà làm vua ra chính thống và nguy triều. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là được kế truyền phân minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là chính thống. Nhà nào, một là làm tôi cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là nguy triều.

Vậy nay lấy những lễ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây sơn làm chính thống hay là ngụy triều, để cho hợp lễ công bằng và cho xứng cái danh hiệu những người anh hùng đã qua.

Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa miền Bắc; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả

nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương Phúc Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiều đãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy là một lúc đại loạn vậy.

Lúc ấy anh em Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừu địch, nhưng mà đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một người anh hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

Còn như Nguyễn Huệ là vua Thái tổ nhà Nguyễn Tây sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùng beo của Tiêm la, chỉ còn được mấy trăm người lủi thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng. Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nổi nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra tán loạn. Dầu thế mặc lòng, khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám quốc để giữ tông miếu tiền triều, như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Chiêu thống và bà Hoàng thái hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh tướng sang giữ thành Thăng Long. Bấy giờ cứ theo tờ mật dụ của vua nhà Thanh, thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa mất hẳn, nhưng kỳ thật đã vào tay người Tàu rồi.

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi hoàng đế, truyền hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy.

Vả đánh đuổi người Tàu đi lấy nước lại mà làm vua thì có điều gì mà trái đạo? Há lại chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần nhân lúc ấu quân, nữ chúa, mà làm sự thoán đoạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là ngụy? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông

làm An nam quốc vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không?

Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây sơn sinh ra nội loạn, vua Thế tổ Cao hoàng nhà Nguyễn lại thu phục được cơ nghiệp cũ mà nhất thống cả nam bắc lại làm một, nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, vả lại khi hai người anh hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu địch. Vậy lấy lẽ tôn bản triều mà xét thì nhà Nguyễn Tây sơn là ngụy, mà lấy công lý mà suy thì vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh Tiên hoàng, vua Lê Thái tổ, mà nhà Nguyễn Tây sơn cũng là một nhà chính thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.²¹

B. Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Tài liệu thứ hai mà các sử gia Việt Nam rất tâm đắc là bộ *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô gia văn phái. Như tên gọi, đây là một cuốn sách theo thể “chí”. Thể chí này là “ký sự chí văn” như Từ Nguyên định nghĩa.²² Theo “giới thiệu văn bản” của Trần Nghĩa trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*²³ thì có đến 12 dị bản của *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, ít nhiều, dài ngắn từ 7 đến 17 hồi. Bài giới thiệu này không được rõ ràng lắm nhưng với tiêu đề tác giả sách là Ngô Gia Văn Phái, chúng ta có thể hiểu được rằng bản dịch có hôm nay được lấy từ Thư Viện Hiệp Hội Châu Á Paris, ký hiệu HM. 2224, tập 7, quyển 19-20 trong phần *Học Tốn Công Di Thảo*.

Ai là người soạn bộ sách này cũng không minh bạch, phần lớn cho rằng 7 hồi đầu do Học Tốn (tức Ngô Thì Chí, 1753-1788 là con thứ Ngô Thì Sĩ) soạn, phần kế tiếp từ hồi 8 đến hồi 14 do Trưng Phủ (tức Ngô Thì Du, 1772-1840, cháu gọi Ngô Thì Sĩ bằng bác), phần cuối cùng từ hồi 15 đến 17 do Ngô Thì Thuyết soạn hồi cuối thế kỷ 19 (1899). Theo lời tựa của bản dịch Ngô Tất Tố thì:

... Riêng cuốn Hoàng Lê Nhất Thống Chí, hoặc An Nam nhất thống chí, không phải là một sách địa chí như nhan đề đã gọi, mà chính là một cuốn lịch sử tiểu thuyết viết theo lối truyện “Tam Quốc diễn nghĩa” của Tàu.²⁴

Tuy cuốn truyện có thể được khởi thảo từ thế kỷ 18 nhưng chỉ hoàn tất và công khai lưu truyền từ cuối thế kỷ 19. Bản dịch *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* cũng đa dạng dưới những tên *Hoàng Lê Nhất Thống Chí diễn nghĩa* do Cát Thành và Trần Thuý dịch (Hà Nội, Thuy Ký, 1927) hay *Hậu Lê thống chí* do Nguyễn Đăng Tân và Nguyễn Công Liêm dịch (Hà Nội, Trường Xuân, 1950). Hai bản thông dụng nhất là bản *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* do Ngô Tất Tố dịch (Hà Nội, 1942 và 1958; Sài Gòn, 1959 tái bản 1969) và *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* do Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch dịch (Hà Nội, 1964, nhiều tái bản).²⁵

Nhiều nhà nghiên cứu lại cho rằng chính Ngô Thì Nhậm là người đóng góp một phần lớn. Trong chú thích ở trang 17 của cuốn 1 trong bộ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, những người chủ biên đã trích lại Vũ Đức Phúc²⁶ cho rằng “tinh thần Ngô Thì Nhậm

thể hiện rất rõ qua cuốn sách kể lại chuyện Quang Trung đánh quân Thanh và lịch sử ngoại giao của Tây Sơn với triều Thanh thời đó một cách hào hứng” hàm ý rằng Ngô Thì Nhậm rất có thể đã soạn những hồi liên quan đến nhà Tây Sơn. Tuy nhiên, bỏ ra ngoài những cố ý “cắt chân cho vừa với chiếc giường” khi người ta nghiên cứu về Ngô Thì Nhậm để đề cao vai trò của ông trong thời đại Tây Sơn, nhiều chi tiết nếu đối chiếu với các tài liệu khác đáng tin hơn lại khiến chúng ta ngờ rằng ngay cả những điều viết về ông trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* cũng không xác thực mà có thể do người sau thêm dệt thêm.

Chính vì *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* do nhiều người viết trong nhiều thời kỳ, nhiều quan điểm chính trị nên rất khó phân biệt ai đã viết đoạn nào, những gì đã bị sửa đổi, thêm bớt và dàn dựng, trong cùng một quyển sách cũng đã có nhiều điều mâu thuẫn và không ăn khớp với nhau. Các nhà nghiên cứu cũng không đồng ý trên một số vấn đề văn bản và ai là tác giả.

Ngoài những chi tiết không đâu có mà chúng ta không cách nào kiểm chứng, nhiều đoạn chúng ta có tài liệu chính xác thì *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* đều không phù hợp. Một biến cố rất quan trọng là việc phái đoàn Nguyễn Quang Hiển sang Bắc Kinh nhận sắc phong thì *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* không hề nhắc đến nên chúng ta có thể ngờ rằng không phải Ngô Thì Nhậm viết những chương này mà là người sau bịa ra theo những tin đồn hay tưởng tượng chứ không phải do một người đang làm quan trong triều đình Tây Sơn kể lại hay ghi chép. Chuyển đi của phái đoàn Quang Trung, một phái đoàn ngoại quốc được nhà Thanh tiếp đãi còn trọng thể hơn cả phái đoàn Macartney của Anh mấy năm sau lại chỉ được chép rất sơ sài và hoàn toàn sai sự thực để rồi không ít sử gia dựa theo để phóng bút một cách rất khinh suất.

Nói tóm lại, đây là một cuốn tiểu thuyết soạn theo lối chương hồi tương tự như Tam Quốc, Thủy Hử..., thể loại truyện giải trí thông dụng thời Minh - Thanh, tuy dùng thời đại làm bối cảnh nhưng không phải là lịch sử đúng nghĩa, có nhiều hư cấu và được sửa đi sửa lại, thêm bớt cho phù hợp với tình thế chính trị hay quan điểm của mỗi người. Tuy nhiều chi tiết viết giống nhau, chúng ta cũng không biết sử triều Nguyễn chép theo *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* hay *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* sử dụng tài liệu triều Nguyễn làm cơ sở nhưng cả hai đều không đủ xác tín để chấp nhận đó là những sự thật lịch sử.

Thế nhưng việc hồ nghi *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* lại là điều rất cấm kỵ đối với nhiều nhà nghiên cứu. George Dutton trong một biên khảo khá công phu đã nhận định rằng nhiều tác phẩm về sử nổi bật (prominent) đã sử dụng hay mặc nhiên chấp nhận những tài liệu trong tác phẩm này mà không cần trích dẫn đủ biết người ta đã coi đó như “lý sở đương nhiên” không cần biện giải.²⁷ Việc thẩm định tài liệu để sử dụng một cách chọn lọc trở nên khó khăn hơn khi những gì người ta từng nghe, từng đọc và tin tưởng một cách tuyệt đối trong nhiều năm qua bị đặt vấn đề. Riêng chiến thắng năm Kỷ Dậu chúng ta đã có hàng chục quyển sách, hàng trăm bài viết trên sách báo và mạng internet được lập lại hầu hết cùng một số chi tiết, phần lớn dựa trên các nguồn

tài liệu thứ cấp (secondary sources) pha trộn giữa hư cấu và những điều mắt thấy tai nghe. Hai nguồn tài liệu nhắc đến ở trên đều không thể tìm đâu ra tài liệu gốc thành thử bất cứ một chi tiết nào cũng đứng giữa thật và giả, cần tái kiểm chứng.

Đối với người nghiên cứu, việc đi tìm bản lai diện mục của một triều đại ngắn ngủi không phải dễ dàng khi trong tay chúng ta chỉ còn rất ít mảnh vụn vương vãi của một chiếc bình quý, trong đó lẫn lộn nhiều đồ sành đồ sứ mà người ta cố tình để lẫn vào.

C. Các tài liệu khác

1. Tài liệu sơ cấp:

Cho tới giờ phút này, trong những văn bản về thời đại Tây Sơn, chúng tôi chỉ biết được hai nguồn tài liệu coi như sơ cấp:

a. Cung Trung Đáng và Quân Cơ Xứ của nhà Thanh còn nhiều văn thư bao gồm chiếu biểu, thư từ liên quan đến cuộc chiến Việt – Thanh và bang giao giữa hai nước²⁸. Những tài liệu đó trước đây được lưu giữ theo dạng tối mật, là nguyên bản từ hơn hai trăm năm trước trong đó phần lớn các văn thư qua lại về chiến dịch đánh An Nam được tập trung trong bộ *Khâm Định An Nam Ký Lược* (bao gồm 31 quyển), tổng cộng 856 trang).²⁹ Một số văn bản khác còn lưu lại nhiều chi tiết lịch sử, chưa kể các bút tích, ấn tín... liên hệ đến nước ta cũng cần được khai thác. Công tác này phải là một chương trình qui mô trên tầm vóc quốc gia chứ khó có thể do cá nhân thực hiện vì hiếm ai dám hi sinh, bỏ công sức sang Đài Loan hay Trung Quốc trong những dự án tốn kém, nhiều công lao và thời gian.

b. Về tài liệu của nước ta thì đến nay may mắn còn tồn tại bản sao một số văn thư trao đổi giữa triều đình Quang Trung và Thanh đình giữ trong Viện Viễn Đông Bác Cổ. Những văn thư đó đã được Đình Thụ Hoàng Văn Hoè phiên dịch, cử nhân Hán học Nguyễn Tạo giới thiệu do Nha Văn Hoá Bộ Giáo Dục VNCH ấn hành dưới nhan đề *Đại Việt Quốc Thư* (1967)³⁰. Tập tài liệu này hầu như không được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu của Việt Nam. Đối chiếu với thư từ và tiến trình giao thiệp của nhà Thanh chúng tôi thấy hai bên rất khớp nhau chứng tỏ đây là những văn bản có giá trị.

Ngoài ra, cũng còn một số các văn tịch tư gia bao gồm một số bài của Ngô Thì Nhậm, đặc biệt là tập *Hàn Các Anh Hoa* cùng một số thư từ Nguyễn Huệ qua lại với La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và gần đây phát hiện một số tài liệu ở châu Qui Hợp (Nghệ An) có liên quan đến nhà Tây Sơn. Một số thơ văn của các sứ thần khi đi đi sứ nhà Thanh cũng bổ túc và xác định lại một số chi tiết.

2. Tài liệu thứ cấp:

Một số tài liệu hiện còn tàng trữ tại thư viện Hán Nôm (Hà Nội) tuy không chính thức nhưng được viết do những người sống trong thời đó có ít nhiều liên quan đến biến động cũng chứa đựng một số dữ kiện đáng kể:

a. *Lịch Triều Tụ Ký* tức *Hậu Lê Lịch Triều Tụ Ký* do Ngô Cao Lãng người Thanh Hoá, đỗ hương cống năm Đinh Mão (1870) biên soạn, được con ông là Xiển Trai bổ sung.

Bộ này có 6 quyển nhưng quyển 5 đã mất chỉ còn 1, 2, 3, 4 và 6 được dịch và xuất bản gần đây trong đó có nhiều chi tiết về chiến thắng Kỷ Dậu và bang giao Thanh – Việt đời Tây Sơn.

b. *Bắc Hành Tùng Ký* là hồi ký của Lê Quýnh (1750 – 1805), một tông thần của vua Chiêu Thống nổi tiếng với câu nói “*Đầu tôi có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da tôi có thể lột nhưng áo không thể đổi*” khi bị ép phải gióc tóc thay áo theo kiểu nhà Thanh. Lời tự thuật của ông đã đính chính được nhiều vấn đề quan trọng, nhất là nguyên nhân của việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta.

c. *Lịch Đại Biểu Chương Khánh Lục* bao gồm một số bài biểu, khải, sách, văn tế, nhạc chương ... cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 trong đó có một số tài liệu đời Tây Sơn.³¹

Các loại tài liệu này chúng tôi coi là quan trọng nhất để dựng một khung hình trong khi truy tìm dữ kiện, mặc dầu bị sao đi chép lại nên cần những chuyên viên về văn bản học đánh giá, so sánh.

3. Tài liệu Âu Châu:

Rất nhiều tài liệu nay còn nằm trong các văn khố quốc gia Âu Châu hay hội truyền giáo Giáo Hội La Mã có giá trị về thời gian vì được viết bởi chính các giáo sĩ Tây phương có mặt ở Việt Nam thời kỳ nhà Tây Sơn đương quyền. Phần lớn là những tường trình của các giáo sĩ lên cấp trên và thư từ trao đổi giữa các giáo phận. Tuy chỉ là văn thư lưu hành nội bộ nên không tránh khỏi những thiên lệch, yêu ghét theo cảm tính riêng tư của nguồn tin cũng như người viết thư, chúng ta cũng có thể tìm hiểu và đối chiếu được một số biến động địa phương và tin tức loan truyền trong thời kỳ đó. Những tài liệu này cũng giúp đính chính lại một số chi tiết về ngày tháng trong sử Việt Nam.³²

Các thừa sai của giáo hội Thiên Chúa sang truyền giáo đều cố gắng tìm cách lấy cảm tình của giới cầm quyền để có được những dễ dãi trong công tác của họ nên nắm vững nhiều việc mà chính sử không nhắc đến chủ yếu là để cho người kế nhiệm có những đầu mối để bắt liên lạc và phát triển khi cần. Nhiều văn liệu của Hội Truyền Giáo còn ghi nhận rằng ngay trong gia đình của anh em Nguyễn Nhạc cũng có một bà di theo đạo và một số nhân vật chủ chốt của cả hai chính quyền Đảng Trong lẫn Đảng Ngoài, có hảo cảm và ít nhiều yểm trợ cho đạo Thiên Chúa được hoạt động tương đối thoải mái (không biết vì lý do chính trị, quân sự hay tôn giáo).

Có rất nhiều truyền ngôn rằng anh em Tây Sơn xuất thân từ một gia đình có liên hệ đến đạo Thiên Chúa và chính họ cũng có thể đã từng là tín đồ. Một giáo sĩ Âu châu viết là cha của họ là một tín hữu đã bỏ đạo và Nguyễn Nhạc đã được rửa tội khi sơ

sinh. Một người khác nói là Nguyễn Nhạc có tên thánh là Paul và người lãnh tụ Tây Sơn tự xưng là “Paul Nhạc”...

*(There are numerous anecdotes suggesting that the Tây Sơn brothers came from a family with Christian connections and may even themselves have been Christians. One European priest wrote that their father was an apostate Christian and that Nguyễn Nhạc had been baptized as an infant. Another gave Nhạc’s baptismal name as Paul and claimed that the Tây Sơn leader called himself “Paul Nhạc”)*³³

Nhiều cấp quan lại của từng vùng cũng có liên hệ gần xa đến các tổ chức của giáo hội. Ít ai trong chúng ta lại ngờ rằng những nhà truyền giáo Tây phương, chủ yếu là người Pháp, đã “móc nối” hay kết thân được những nhân vật quyền thế nhất nhì tại Bắc Hà như Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Đình Bảo³⁴ và rất có thể cả Ngô Văn Sở....

Vào cuối thế kỷ thứ 18, các thay đổi về kỹ thuật, cơ khí, hàng hải của thế giới ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình Việt Nam, trực tiếp liên quan đến sinh mệnh của những thế lực đang đua đuổi hươu tranh đỉnh. Những đóng góp hay can thiệp về quân sự và chính trị của các giáo sĩ qua truyền giáo ở Viễn Đông có thể làm nghiêng lệch cán cân thăng bằng không phải chỉ ở một quốc gia mà toàn thể khu vực. Mạng lưới tổ chức, cơ cấu sinh hoạt và thông tin của các nhà truyền giáo khá chặt chẽ, có liên quan mật thiết đến sinh hoạt chính trị của miền Bắc và của nhà Tây Sơn. Thời kỳ nhiễu nhương nhiều khi gây trở ngại cho việc truyền đạo nhưng cũng là cơ hội tốt để những thế lực từ bên ngoài tìm cách can thiệp và khai thác nội bộ nước ta.

Có thể nói rằng việc phân tranh Nam Bắc dưới thời Trịnh Nguyễn cũng đem tới một số điểm tích cực, từ nỗ lực tìm kiếm kỹ thuật Tây phương để gia tăng sức mạnh quân sự đến việc mở cửa với bên ngoài cho phép các giáo sĩ vào giảng đạo một cách thoải mái không bị ngăn trở. Chỉ đến khi vì nhiều mâu thuẫn nảy sinh giữa các thừa sai tôn giáo và triều đình, khi đó mới có những hạn chế. So với nhiều quốc gia ở vùng Đông Á, Việt Nam giai đoạn đó tương đối cởi mở hơn nhiều. Việc đàn áp các giáo đồ Thiên Chúa cuối thế kỷ 18 và giữa thế kỷ 19 có nhiều nguyên nhân chính trị hơn là vì đức tin. Điều này cũng tương đối dễ hiểu vì nhà cầm quyền Việt Nam luôn luôn muốn các nhà tu ngoại quốc làm đầu cầu trung gian để mua khí giới và dụng cụ quân sự nên một khi họ xoay chiều thì không phải chỉ mất một nguồn cung cấp mà còn là một đe dọa to lớn đối với sự an nguy của một triều đại.

Ngoài tài liệu của Trung Hoa và Hội Truyền Giáo Hải Ngoại, một nguồn tài liệu chúng ta chưa lưu tâm đúng mức là tài liệu của một số phái bộ người Anh nghiên cứu và tường trình về khu vực Đông Nam Á. Vào thời kỳ đó, ranh giới quốc gia chưa phải là những yếu tố quan trọng và người ngoại quốc thường nghiên cứu một khu vực với những đại đồng tiểu dị, coi những xung đột địa phương như những thế lực tranh giành quyền lực hơn là một quốc gia này, một dân tộc này đánh với một quốc gia khác, dân tộc khác. Những sinh hoạt của vùng này lại được tìm thấy những mô hình tương tự ở một địa khu khác mặc dầu tiếng nói, chủng tộc khác nhau nhưng vẫn có liên hệ hàng

ngang, hàng dọc chẳng chịt, ít khi có thể tìm được một mẫu hình thuần túy cá biệt. Những nghiên cứu dựa trên mẫu số toàn vùng và nhiều tài liệu liên quan đến các quốc gia lân cận, đặc biệt là Lào, Cao Miên, Xiêm La, Miến Điện, Indonesia, Phi Luật Tân... và một số tỉnh miền Nam Trung Hoa, các sinh hoạt thương mại qua lại trên biển đông cũng giúp chúng ta giải mã được nhiều nghi vấn mà trước nay không có câu trả lời.³⁵

Kết luận

Chúng ta có may mắn được nghiên cứu trong thời kỳ tin học, khi tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau có thể thu thập tương đối dễ dàng. Cứ như lẽ thường, tài liệu từ chính người Việt phải là tài liệu nguyên thủy, có giá trị cao nhất. Tiếc thay vì hoàn cảnh đặc biệt của đất nước đã đưa đến trở trêu khi chúng ta phải tìm kiếm tài liệu từ bên ngoài để viết về sử nước mình. Việc truy tầm những thư từ, chiếu biểu của Trung Hoa có liên quan đến Việt Nam để bổ túc cho chính sử, giải quyết những thiếu sót và nghi vấn còn đầy rẫy trong sách vở nước ta là một điều cần thiết.

Khi quan niệm về lịch sử còn hạn chế, nhấn mạnh vào tính chính thống của một triều đại, các sử gia lắm khi cố tình huỷ hoại, bóp méo hay bịa đặt những điều không có thực về kẻ thù của mình. Dưới xu hướng này, viết sử và tuyên truyền – dù cho một chính quyền hay một dân tộc - chưa có ranh giới rõ rệt.

Thế nhưng điều đó không phải chỉ xảy ra ở giai đoạn cuối thế kỷ 18, ngay cả những sự việc gần đây mà nhiều người trong chúng ta đã chứng kiến nhưng muốn ghi lại cho chu đáo cũng phải ít nhiều dựa vào tài liệu ở ngoài nước để được nhìn từ nhiều góc cạnh, trong tinh thần khoa học tìm kiếm sự thật chứ không phải để biện minh cho một chủ trương hay ý thức chính trị. Khuynh hướng nghiên cứu mới nhấn mạnh vào việc nhìn những biến động qua mẫu số của toàn vùng hơn chỉ là hạn chế vào một quốc gia, hay lắm khi chỉ vào một cá nhân của lãnh tụ và đưa ra phân tích thay vì chỉ tường thuật biến cố mà thôi.³⁶

Khâm Định An Nam Kỷ Lược của nhà Thanh giúp chúng ta một phần nào trong việc dựng lại cuộc chiến Việt – Thanh và bang giao đời Tây Sơn nhưng nhiều bí ẩn khác vẫn còn nằm yên trong kho tài liệu tại Đài Bắc, Bắc Kinh và các thư viện địa phương của Trung Hoa cần được đưa ra ánh sáng. Những công tác qui mô đó phải có sự tham gia và đóng góp tích cực của một đội ngũ trí thức năng động với sự đồng tình và yểm trợ trên qui mô quốc gia hay quốc tế. Hi vọng rằng bài viết này mở đầu cho những đánh giá và biên soạn trung thực hơn.

Nguyễn Duy Chính

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BARRADOUGH, GEOFFREY. *Main Trends in History*. New York: Holmes & Meier Publishers, Inc., 1979
2. BARTLETT, BEATRICE S. *Monarchs and Ministers – The Grand Council in Mid-Ch'ing China, 1723-1820*. Berkeley: University of California Press, 1991
3. DUTTON, GEORGE. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eigtheenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006
4. ĐẶNG PHƯƠNG NGHI. *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e siècle*. Paris, École Française d'Extrême-Orient, 1969
5. ĐẶNG XUÂN BẢNG. *Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu* (bản dịch của Hoàng Văn Lâu) Hà Nội: nxb KHXH, 2000
6. ĐỖ, BANG. *Những Khám Phá về Hoàng Đế Quang Trung*. Huế: nxb Thuận Hoá, 2003
7. ĐOÀN, XƯƠNG QUỐC, *Trung Quốc Thông Sử: Cận Đại Sử*. Đà Bắc: Chúng Văn Đồ Thư, 1984
8. ĐƯỜNG, VĂN CƠ – LA KHÁNH SÁI (唐文基-羅慶洒). *Càn Long Truyện* (乾隆傳). Bắc Kinh: Nhân Dân xb xã, 1994
9. FOREST, ALAIN. *Les Missionnaires Français au Tonkin et au Siam XVII^e-XVIII^e Siècles*. Livre II: *Histoires Du Tonkin*. Paris: L'Harmattan, 1998
10. <http://www.humnet.ucla.edu/humnet/ealc/faculty/dutton/AHAHLNTC.pdf>
11. KHUYẾT DANH. *Sử Ký Đại Nam Việt (Annales Annamites)* (in lại theo bản in lần thứ 5 của nhà dòng Tân Định, 1909). Sài Gòn: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1974
12. LÃNG NHÂN. *Giai Thoại Làng Nho toàn tập*. Texas: Zieleks, 1985
13. MAI, QUỐC LIÊN (chủ biên). *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (4 quyển) Hà Nội: nxb Văn Học, 2001-2
14. NATIONAL PALACE MUSEUM. *Chinese Cultural Art Treasures* (3rd Edition). Taipei: The National Palace Museum, 1967
15. NGÔ GIA VĂN PHÁI. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch) Hà Nội: nxb Văn Học, 2002
16. NGÔ, THỜI CHÍ. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Ngô Tất Tố) Saigon: Phong Trào Văn Hóa tái bản, 1969

17. NGUYỄN, CÔNG VIỆT. *Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội: nxb Khoa Học-Xã Hội, 2005
18. NGUYỄN, LIÊN HOÀN (dịch). *Niên Biểu Lịch Sử Trung Quốc*. Hà Nội: Thế Giới, 2001
19. NGUYỄN, LƯƠNG BÍCH – PHẠM NGỌC PHỤNG. *Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự của Nguyễn Huệ*. Hà Nội: nxb Quân Đội Nhân Dân, 1971
20. NGUYỄN, PHAN QUANG. *Theo Dòng Lịch Sử Dân Tộc, Sự Kiện & Tư Liệu*. tp HCM: nxb Tổng Hợp, 2004
21. NGUYỄN, QUỐC VINH “Góp thêm tư liệu mới về quan hệ chiến sự và ngoại giao Việt – Thanh thời Tây Sơn: Bộ tranh “Bình Định An Nam Chiến Đồ” có thơ đề vịnh bằng ngự bút của vua Càn Long,” Phan Huy Lê (chủ biên), *Các Nhà Việt Nam Học Nước Ngoài Viết Về Việt Nam*. Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002
22. NGUYỄN, THẾ LONG. *Chuyện Đi Sứ – Tiếp Sứ thời xưa*. Hà Nội: nxb Văn Hoá Thông Tin, 2001
23. NGUYỄN, TUỜNG PHƯƠNG (Tiên Đàm). *Lược Khảo Binh Chế Việt Nam qua các thời đại*. Hà Nội: Ngày Mai, 1950
24. NGUYỄN, VĂN SIÊU. *Phương Đình Dư Địa Chí (Ngô Mạnh Nghinh dịch)*. Hà Nội: nxb VH-TT, 2001
25. NHIỆM, KẾ DŨ (chủ biên). *Trung Quốc văn hoá đại điển*. Sơn Tây: Sơn Tây giáo dục xb xã, 1999
26. NHIỀU TÁC GIẢ. *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc 2 tập* (Trần Ngọc Thuận, Đào Duy Đạt, Đào Phương Chi dịch). Hà Nội: nxb Văn Hoá – Thông Tin, 1999
27. -----. *Nghiên Cứu Huế*, tập năm 2003. Thừa Thiên: Trung Tâm Nghiên Cứu Huế, 2003
28. -----. *Những Vấn Đề Lịch Sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam*. Huế: Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Cố Đô Huế – Tạp Chí Xưa & Nay, 2002
29. PEERS, C. J. *Soldiers of the Dragon, Chinese Armies 1500 BC – AD 1840*. MD: Osprey Publishing Ltd., 2006
30. PETERSON, WILLARD J. (chủ biên). *The Cambridge History of China, Vol. 9, Part One: The Ch'ing Dynasty to 1800*. Cambridge: Cambridge University Press, 2002
31. PEYREFITTE, ALAIN. *The Collision of Two Civilisations – The British Expedition to China 1792-4*. (bản dịch của Jon Rothschild từ tiếng Pháp

- L'Empire Immobile ou Le Choc des Mondes*) London: HarperCollins Publishers, 1993
32. PHẠM, NGỌC PHỤNG. *Tổ Tiên Ta Đánh Giặc*. Hà Nội: nxb Quân Giải Phóng, 1975
33. PHƯƠNG LƯỢC QUÁN. *Khâm Định An Nam Ký Lược*. Hồ Nam: Hải Nam xuất bản xã, 2000 (chụp lại nguyên bản từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cố Cung Bắc Vật Viện Bắc Kinh)
34. QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN. *Minh Mệnh chính yếu (tập I)*. Huế: nxb Thuận Hoá, 1994
35. ----- . *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện: Nhà Tây Sơn (bản dịch Tạ Quang Phát)* Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá, 1970
36. ----- . *Đại Nam Liệt Truyện (Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương dịch)*. Huế: nxb Thuận Hoá, 1997
37. ----- . *Đại Nam Nhất Thống Chí (Phạm Trọng Diễm dịch)*. Huế: nxb Thuận Hoá, 1997
38. ----- . *Đại Nam Thực Lục, Tập Ba* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004
39. ----- . *Đại Nam Thực Lục, Tập Hai* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004
40. ----- . *Đại Nam Thực Lục, Tập Một* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001
41. *Từ Nguyên, thượng và hạ*. Đài Bắc: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1980
42. TRẦN TRỌNG KIM. *Việt Nam Sử Lược*, quyển II. Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, 1971
43. TRẦN, VĂN GIÁP. *Tác Phẩm được tặng Giải Thưởng Hồ Chí Minh (Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Tập 1 & 2)*. Hà Nội: nxb KHXH, 2003
44. VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM. *Tạp Chí Hán Nôm 2 (5)*. Hà Nội, 1988

CHÚ THÍCH

¹ Nghĩa Bình, Ủy Ban KH/KT, 1988.

² trích lại theo Li Tana, *Nguyễn Cochinchina, Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*. New York, Cornell University, 1998, tr. 139.

³ Lê Trịnh ở miền Bắc, Nguyễn Huệ ở miền bắc Trung phần, Nguyễn Nhạc ở Bình Định, Phú Yên và Nguyễn Ánh ở Gia Định.

⁴ Ngay khi khôi phục được toàn cõi Nam Hà, chúa Nguyễn cũng vẫn ngần ngại khi chuẩn bị tiến quân ra Bắc. Đại Nam thực lục chép:

...Vua (Gia Long) từng cùng bầy tôi bàn việc dụng binh, bảo rằng: “Bắc Hà là nước cũ của nhà Lê, từ khi liệt thánh ta xây dựng cơ nghiệp ở miền Nam, hơn 200 năm vẫn theo chính sách nhà Lê. Gần đây Tây Sơn trộm quyền, ta phải lo dụng binh chỉ là để phục thù, mà thôi. Nay bờ cõi cũ đã được khôi phục, mà đầu sỏ giặc lại trốn ra Bắc, nếu ta cử binh Bắc phạt thì sau khi bắt được tội nhân rồi đối với nhà Lê sẽ thế nào?”. Bọn Đặng Đức Siêu và Trần Văn Tạc đều tâu rằng: “Từ khi vua Lê chạy sang nước Thanh, đi không thấy trở lại, đất Bắc Hà đã lọt vào tay giặc Tây Sơn rồi. Huống chi từ khi quân nhà vua lấy lại đô cũ tới nay, những tôi dân nhà Lê không một người nào ứng nghĩa để đánh giặc, nhà Lê không dấy lại được đã có thể biết rõ rồi. Nay ta dẹp được giặc Tây Sơn, chiếm được đất đai, đó là ta lấy ở giặc Tây Sơn chứ không phải lấy ở nhà Lê. Công việc xong rồi, thì sẽ xử trí. Duy việc cất quân thì quý ở có danh nghĩa, mà đội quân ứng mệnh trời thuận lòng người thì trước phải đối chính sách. Nay ta đánh miền Bắc mà vẫn còn dùng niên hiệu nhà Lê, thực e người Bắc bảo ta mượn tiếng phù Lê, chỉ bằng cử chính để vị, đổi niên hiệu, tỏ bày đại nghĩa với thiên hạ, như thế thì được nước là chính đáng, không ai dị nghị được”...

Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, *Đệ Nhất Kỳ*, quyển XVI (tập I) bản dịch Viện Sử Học. Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2002, tr. 488

⁵ Xem thêm “Một số nhận định của Philippe Langlet về hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn” của Nguyễn Phan Quang và Phan Văn Hoàng (*Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử*, Hà Nội, số 263 tháng 7,8 năm 1992, in lại trong Nguyễn Phan Quang, *Theo Dòng Lịch Sử Dân Tộc, Sự Kiện & Tư Liệu*, nxb Tổng Hợp tp HCM, 2004 từ trang 989-1010)

⁶ là tập tục đời xưa, khi đánh thắng địch quân đem tù nhân và khí giới làm lễ cáo tế tổ tiên, báo tin thắng trận. Nghi lễ hiến phù bao gồm 4 loại: hiến phù, thụ hàng, cáo thành, lao sư (dâng tù nhân, nhận đầu hàng, bá cáo đã hoàn thành, và khao thưởng tướng sĩ).

⁷ Về việc hành hình vua tôi nhà Tây Sơn, xem thêm Charles Maybon, *La Relation sur Le Tonkin et la Cochinchine de Mr. De La Bissachère (1807)* Paris, Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919, tr. 118-22.

⁸ Nguyễn Phan Quang – Phan Văn Hoàng, “Một số nhận định của Phillippe Langlet về hoạt động của Quốc Sử Quán triều Nguyễn” (*Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* số 263, 7-8-1992) (in lại trong Nguyễn Phan Quang, *Theo Dòng Lịch Sử Dân Tộc*, nxb Tổng hợp TPHCM, 2004 tr. 989.

⁹ Đặng Xuân Bảng (1828-1910) quán làng Hành Thiện, Nam Định đỗ tiến sĩ năm 1856, làm quan rất cần mẫn, thanh liêm, giỏi cả về hành chánh lẫn quân sự. Ông đưa ra nhiều cải cách về kinh tế và ngoại giao nhưng không được vua Tự Đức chấp thuận. Khi về hưu, ông đem hết tâm trí vào việc biên soạn và trước tác, để lại nhiều tác phẩm giá trị. (Xem thêm Lăng Nhân, *Giai Thoại Làng Nho toàn tập*, Texas, Zieleks, 1985 từ trang 450-72.

¹⁰ Lời tựa viết năm Thành Thái 17 (1905). Đặng Xuân Bảng, *Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu* (bản dịch của Hoàng Văn Lâu). Hà Nội, nxb KHXH, 2000. tr. 9. Như vậy mãi tới lúc này chúng ta mới thấy một sử gia sống thời Nguyễn xin được công nhận nhà Tây Sơn như một triều đại chính thống, dù rằng ông vẫn cố gắng nhấn mạnh rằng để “khuyến khích và răn đe”.

¹¹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục* (tập Hai) (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2004, tr. 222.

¹² Gần đây, người ta có tìm được ba chiếc ấn đồng mà các nhà nghiên cứu cho rằng thuộc đời Tây Sơn nhưng đều là của những cấp bậc tương đối thấp, không mấy đặc biệt. Riêng bản thân chúng tôi cũng còn ngờ rằng ấn này thuộc về đời Nguyễn, không phải đời Tây Sơn. Xem thêm Nguyễn Công Việt, *Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội, nxb Khoa Học-Xã Hội, 2005.

¹³ Như vậy việc tiêu huỷ tài liệu về nhà Tây Sơn một cách qui mô do chủ trương của triều đình ít nhất cũng hai lần, một lần đời Gia Long, một lần đời Minh Mệnh.

¹⁴ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục* (tập Hai). Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2004, tr. 796. Có điều về sau này trong Sử Quán người ta cũng không tìm thấy những tài liệu nào thuộc về đời Tây Sơn, không hiểu dân chúng không dâng nạp hay chỉ là một kế để triều đình thu lục những gì còn sót lại đem về huỷ cho kỳ hết.

¹⁵ Theo lệ cũ, con cháu những người cộng tác với Tây Sơn đều bị cấm thi ba đời (tam đại bất đắc ứng thí), không khác gì thành phần cùng đinh làm những mặt nghề liệt vào hạng “*hạ cử lưu*”. Trong những năm đầu thời Nguyễn, không ít những vụ đại án nảy sinh từ một lý do hết sức vu vơ.

¹⁶ Hiện nay trong văn khố của Việt Nam tuy vẫn còn một số sách vở để lại nhưng phần lớn không có giá trị gì đặc biệt, nhiều chi tiết rất đáng ngờ. Nhiều tài liệu không rõ xuất xứ, biên soạn thiếu khoa học (chẳng hạn *Minh Đô Sử* của Lê Trọng Hàm) nhưng vẫn được sử dụng vì nhu cầu chính trị hơn là về giá trị của tài liệu.

¹⁷ Trong bản dịch chỉ tổng cộng 50 trang (từ trang 521 đến 571) cho cả ba người còn trong nguyên bản DNCBLT-Sơ tập, quyển 30 chỉ có 56 trang chữ Hán.

¹⁸ Sử triều Nguyễn khi chép lại lời nói của Nguyễn Huệ khi tự xưng đã dùng chữ *cô* (姑) là người đàn bà thay vì dùng chữ *cô* (孤) là lời nói nhún của bậc vương giả. Dịch giả Tạ Quang Phát đã mĩa mai là “*thói tiểu nhân nhỏ mọn của sử gia*” (*Nhà Tây Sơn*, 1970, tr. 134, chú thích 1) Một việc như thế có thể giúp chúng ta suy ra thêm về những việc khác.

¹⁹ Nguyễn Phan Quang, *sđd.* tr. 993

²⁰... *Tới năm Tự Đức thứ 5 (1852) bộ “Tiền biên liệt truyện” làm xong; phụng chỉ kế tiếp, làm bộ “Đệ nhất kỷ chính biên liệt truyện”, các viên ở sử quán lúc ấy, tham bổ khảo xét đính chính, chia ra từng mục, biên thành từng loại. Đầu là các truyện của Hậu phi, thứ là Hoàng tử, công chúa; thứ nữa là các bề tôi; thứ nữa là người có hạnh có nghĩa, và các liệt nữ; cuối rồi chép phụ thêm các truyện về bon tiếm thiết và việc nước ngoài, gồm có 8 mục, cộng 33 quyển, nhan đề là “Chính biên liệt truyện sơ tập”...*

Lời đầu của sử thần nhà Nguyễn năm Thành Thái thứ 1, ngày 13 tháng 10 (5-11-1889). *Đại Nam Liệt Truyện* (tập 2). Huế, Thuận Hoá, 1997, tr. 8 – 9.

²¹ Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, quyển II. Bộ Giáo Dục Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu, 1971, tr. 127-29.

²² 誌(志): 記事之文曰誌。如碑誌墓誌。

Từ Nguyên, quyển hạ. Đài Bắc, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1980, tr. 1952

²³ Hà Nội, Văn Học, 2002, tr. 5-6.

²⁴ Ngô Thời Chí, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Ngô Tất Tố). Sài Gòn: Phong Trào Văn Hoá, 1969 “Lời giới thiệu”, tr. 5

²⁵ Đặng Phương Nghi, *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e siècle*. Paris, École Française d’Extrême-Orient, 1969 tr. 4-5

²⁶ “Từ Ngô Thì Nhậm đến trào lưu văn học Tây Sơn”. Tạp chí Văn Học 4/5. Hà Nội, Viện Văn Học, 1973,

²⁷ Xem “The Hoàng Lê Nhất Thống Chí and the Historiography of 18th Century Vietnam” tr. 31. <http://www.humnet.ucla.edu/humnet/ealc/faculty/dutton/AHAHLNTC.pdf>

²⁸ Sử liệu (historical documents) của nhà Thanh được chia ra làm 8 loại:

- Quân Cơ Xứ Đáng – The Archives of the Grand Council
- Cung Trung Đáng – The Palace Records

- Thanh Sử Quán Đẳng – The Records of the Board of the History of the Ch'ing Dynasty
- Thực Lục – The Veritable Records
- Bản Kỷ – The Annals
- Khởi Cư Chú – Diaries of Activity and Repose
- Chiếu Thư – The Imperial Mandates
- Quốc Thư – The National Credentials

²⁹ Hiện nay chúng tôi đang sắp xếp để phiên dịch bộ sách hiếm quý này. Mặc dầu phần lớn những chiếu biểu đó đều trung thực với nguyên bản mà người ta còn tìm thấy được trong kho lưu trữ tài liệu của Trung Hoa, chúng ta vẫn phải đánh giá lại một cách thận trọng và tìm ra những chi tiết không ăn khớp với nhau hay những cốt xén tình của người biên tập, nhất là về chiến dịch đem quân sang nước ta và tiến trình rút chạy khi thua trận. Bản chúng tôi dùng đây là bản do Cố Cung Bác Vật Viện in lại theo lối chụp bản. Hồ Nam, Hải Nam xb xã, 2000.

³⁰ Tuy nhiên, vì không am tường lễ tiết của nhà Thanh nên một số chi tiết trong Đại Việt Quốc Thư bị suy diễn lệch lạc và cần một bản dịch mới chính xác hơn.

³¹ Theo Lời Toà Soạn tạp chí Hán Nôm số 2 (5) 1988 thì trong kho tư liệu Hán Nôm các tác phẩm trên còn được lưu trữ dưới dạng sách chép tay dưới các số hiệu A.15, VHv. 1312 (LTTK), A.4 Q3 (BHTK), A.1722 (LDBCKL)

³² Một chi tiết rất quan trọng mà tài liệu của Tây phương có thể sử dụng để cải chính tài liệu của ta. Đó là ngày đăng quang của vua Quang Trung. Theo thư của các giáo sĩ có mặt tại Việt Nam còn lưu lại trong Nhật Ký Về Những Sự Kiện Đáng Ghi Nhớ, Nha Văn Khố Quốc Gia Paris. Paris, Archives Nationales số F5; A 22, thì “lá thư đề ngày 20 tháng Chín của đức ông La Bartette gửi cho ông Le Breton trong đó Đức ông cho biết rằng”:

... Bắc vương đã ấn định ngày 11 tháng Mười (âm lịch) tức ngày mồng 8 tháng Mười Một là ngày ông tự phong mình làm Hoàng đế dưới danh hiệu “Quang Trung” (có nghĩa là ánh sáng trung ương tức là theo sự giải thích có lẽ đúng nhất, mặt trời của vũ trụ) đồng thời ông đang bận tính một kế hoạch vĩ đại theo như sắc lệnh ban bố ngày 6 tháng Mười (âm lịch) hay ngày 3 tháng Mười Một gửi cho Đại thần Đại tư Mã và tất cả các quan hay sĩ quan Tây Sơn làm việc tại Bắc Kỳ... Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu Mới Lại Về Những Cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ” Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*. Cali, Đại Nam, 1992, tr. 195

Theo sử nước ta thì hầu hết sách vở vẫn ghi là ngày 25-12 năm Mậu Thân (20-1-1789), cách nhau gần 2 tháng ½, quá sát sao với khi vua Quang Trung tới Nghệ An. Điều này không phù hợp với thực tế hành quân và tình hình lúc đó.

³³ George Dutton, *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu, University of Hawai’I Press, 2006, tr. 180. Chi tiết này cũng tìm thấy trong Sử Ký Đại Nam Việt (Khuyết Danh)tr. 11

...Về sự đạo thì bằng yên, vì quân Tây Sơn chẳng lo đến việc đạo. Bà dì ông Thái Đức thì có đạo và giúp nhiều việc cho thanh sự đạo. Cũng có lẽ mà ngờ rằng mẹ ông ấy cũng có đạo nữa ...

³⁴ George Dutton, *sđd*. tr. 178. Alain Forest, *Les Missionnaires Français au Tonkin et au Siam XVII^e-XVIII^e Siècles*. Livre II: *Histoires Du Tonkin*. Paris, L’Harmattan, 1998, tr. 216-8.

³⁵ Chúng tôi đặc biệt chú trọng đến sử liệu của Xiêm La (tức Thái Lan ngày nay) vì có rất nhiều liên quan đến chúa Nguyễn Ánh và một số hoạt động của nhà Tây Sơn tại Lào và Bắc Thái.

³⁶ Xem thêm Geoffrey Barradough, *Main Trends in History*. New York, Holmes & Meier Publishers, Inc., 1979. đặc biệt các chương 4 “New Dimensions in History”, chương 5 “The Search for Meaning in History: National, History, Comparative History, and Meta-history”